

Bản án số: 155/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 6 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Châu Hải Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp N, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Quốc T, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp N, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị U thể hiện:*

Bà Nguyễn Thị U và ông Phan Quốc T tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 16/11/1988 nhưng không đăng ký kết hôn, khi về chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn; mặc dù đã cố gắng nhưng ông T không khắc phục, sửa chữa được do vậy, bà U yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông T.

Quá trình chung sống có 02 người con, gồm Phan Quốc K, sinh năm 1993 và Phan Quốc Kh, sinh năm 1997 đều đã trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác các đương sự xác định không có.

\* *Đối với ông Phan Quốc T:* Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của bà U nhưng ông T không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Phan Quốc T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[2] Bà U và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 16/11/1988 nhưng không đăng ký kết hôn, khi về chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ nguyên nhân trên, bà U yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông T.

Đối với ông T, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối ý kiến của bà U về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn.

Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà U, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà U và ông T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung hiện đã trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Bà U xác định không có; ông T không có ý kiến gì về các vấn đề này nên không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà U phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà U và ông Phan Quốc T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà U phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010235 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (bà U đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**